

Phẩm 4: XỬ PHƯƠNG TIỆN NƠI NGHĨA CHÂN THẬT

PHẦN 1

Thế nào gọi là nghĩa chân thật? Lược nói có hai thứ: Một là pháp tánh thật. Hai là tất cả sự pháp tánh. Hai pháp tánh này lấy chủng loại phân biệt. Lại có bốn thứ:

1. Đối tượng nhận biết của thế gian.
2. Đối tượng nhận biết của học.
3. Chướng phiền não tịnh - trí sở hành xứ pháp.
4. Trí chướng tịnh - trí sở hành xứ pháp.

Thế nào gọi là nghĩa chân thật nơi đối tượng nhận biết của thế gian? Các việc ở thế gian thuận theo tục số, mọi thấy biết đều đồng, tức đất (địa) là đất, không phải nước, không phải là nước, lửa, gió khác. Sắc, thanh, hương, vị, xúc cho đến khổ, lạc cũng vậy. Lược nói vật này, chính là vật này không phải vật khác. Như vậy tất cả ý quyết định hiểu chỗ hành, xứ, sự. Xưa nay thế gian đều tự nhớ, tưởng mà hiểu biết, không từ tu tập. Đấy gọi là nghĩa chân thật nơi đối tượng nhận biết của thế gian.

Thế nào gọi là nghĩa chân thật nơi đối tượng nhận biết của học? Như người trí ở đời, dựa vào trí hiện tại trí so sánh và được nghe từ thầy để suy lường, tu học. Dựa vào trí ấy quyết định biết chỗ hành, xứ, sự rồi kết tập, kiến lập, đấy gọi là nghĩa chân thật nơi đối tượng nhận biết của học.

Thế nào là nghĩa chân thật của chướng phiền não tịnh - trí sở hành xứ pháp? Tất cả Thanh văn, Duyên giác, với trí vô lậu, hoặc phương tiện vô lậu, hoặc tùy theo trí đời nay tu hành cảnh giới, ở trong trí kia duyên, phiền não chướng được thanh tịnh, chướng nơi đời vị lai rất ráo không dấy khởi, đấy gọi là nghĩa chân thật của chướng phiền não tịnh, trí sở hành xứ pháp. Đấy là bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, quán bốn đế này nhập tuệ vô gián... đến trí tuệ vô gián... đã khởi. Thanh văn, Duyên giác thấy ấm lìa ấm, ngã không thể có được, các hành duyên khởi, sinh diệt hòa hợp, ấm và lìa ấm, tánh nhân (người) vô ngã, tu tập trí kiến.

Thế nào là nghĩa chân thật của trí chướng tịnh trí sở hành pháp xứ? Trí cũng vốn là đối tượng ngăn ngại của trí, nên gọi là chướng. Chướng ngại của trí ấy đã được trí giải thoát, tu hành cảnh giới, đấy gọi là nghĩa chân thật của trí chướng tịnh, trí sở hành pháp xứ. Đó gọi là chư Phật,

Bồ-tát nhập Pháp vô ngã, nhập rồi đạt thanh tịnh, đối với tất cả pháp xa lìa tự tánh ngôn thuyết, tự tánh giả danh, xa lìa các vọng tưởng, đại trí bình đẳng, tu hành cảnh giới. Như thật đệ nhất, vô lượng vô biên, tất cả pháp chọn đều vĩnh viễn diệt trừ, không sinh khởi lại.

Lại, tướng chân thật kiến lập có hai thứ: Một là hữu tánh. Hai là vô tánh. Hữu tánh là nêu bày kiến lập tự tánh giả danh là từ lâu xa đến nay, thế gian chấp trước là căn bản của tất cả sự nhớ tưởng hư vọng. Đó gọi là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, địa, thủy, hỏa, phong, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, cho đến Niết-bàn. Như vậy pháp mà thế gian giả danh là có tự tánh, đó gọi là hữu tánh. Vô tánh nghĩa là sắc giả danh... cho đến Niết-bàn giả danh, không sự, không nương, giả danh, chỗ dựa tất cả đều không. Đây gọi là vô tánh. Như trên đã nói, hữu vô là hai thứ, nếu đều lìa pháp tướng thì chỗ đầu tóm hai pháp không có hai. Không hai đây gọi là trung đạo. Xa lìa hai biên, gọi là vô thượng. Chân thật như thế, là cảnh giới trí tịnh của Phật Thế Tôn, là chỗ nên tu học của chư vị Bồ-tát. Nếu vị nào tu học, thì gọi là Bồ-tát đại trí phương tiện, sẽ đạt được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì sao? Bồ-tát cùng giải thoát “Không” tương ứng. Ở trong sinh tử biết như thật về sinh tử, không ở trong sinh tử vô thường để tu hành mà sinh nhàm chán xa lìa, có khả năng thành tựu pháp Phật, tạo lợi ích cho chúng sinh. Nếu không biết như thật về sinh tử, thì không thể xả bỏ xa lìa tất cả phiền não tham, sân, si... Nếu không xả bỏ xa lìa thì bị nhiễm ô, thọ chịu các sinh tử, tâm đã nhiễm ô, thọ nhận sinh tử, thì không thể thành tựu pháp Phật, tạo lợi ích cho chúng sinh. Nếu ở trong sinh tử vô thường, để tu hành mà nhàm chán xa lìa cảnh sinh tử thì Bồ-tát chóng chứng đắc Niết-bàn. Chóng chứng đắc Niết-bàn thì cũng không thể thành tựu pháp Phật, tạo lợi ích cho chúng sinh, làm sao có thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Nếu Bồ-tát cùng giải thoát “Không” tương ứng, thì không sợ Niết-bàn, cũng không cầu Niết-bàn. Nếu Bồ-tát sợ Niết-bàn thì không thể đầy đủ đạo Niết-bàn, vì sợ Niết-bàn nên không thấy công đức lợi ích của Niết-bàn, không thấy công đức lợi ích của Niết-bàn nên sự tin, ưa thanh tịnh đều xa lìa. Nếu Bồ-tát cầu Niết-bàn, với nhiều tu tập thì mau chóng Bát Niết-bàn, mà mau chóng Bát Niết-bàn nên không thể thành tựu pháp Phật, tạo lợi ích cho chúng sinh. Nếu đối với sinh tử mà không biết như thật, thì phải chịu sinh tử dài lâu. Nếu nhàm chán sinh tử, thì mau chóng Bát Niết-bàn. Nếu sợ Niết-bàn thì không thể hành đầy đủ đạo Niết-bàn. Nếu người cầu Niết-bàn tu tập nhiều, thì mau chóng Bát Niết-

bàn, phải biết Bồ-tát ấy hướng về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng không có phương tiện lớn. Nếu trong sinh tử mà được biết như thật, thì tâm không bị nhiễm chấp ở sinh tử. Nếu trong sinh tử vô thường đề tu hành mà không nhàm chán xa lìa, không mau chóng bát Niết-bàn, không sợ Niết-bàn, thì có thể đầy đủ đạo Niết-bàn, hiểu biết sâu xa về công đức lợi ích của Niết-bàn, cũng không siêng năng tìm cầu mau bát Niết-bàn, thì phải biết Bồ-tát ấy đối với đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng sẽ có phương tiện lớn. Phương tiện lớn này nương vào đệ nhất giải thoát “Không”. Vì thế nên gọi là Bồ-tát tu đệ nhất giải thoát “Không” là phương tiện lớn nhất, nghĩa là hướng đến đại trí vô thượng của Như Lai.

*

**